

Số: 01 /2022/TT-BCT

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2022

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 47/2014/TT-BCT ngày 05/12/2014 của Bộ Công Thương quy định về quản lý website thương mại điện tử và Thông tư số 59/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ Công Thương quy định về quản lý hoạt động thương mại điện tử qua ứng dụng trên thiết bị di động

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử và Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử;

Căn cứ Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 47/2014/TT-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định về quản lý website thương mại điện tử và Thông tư số 59/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định về quản lý hoạt động thương mại điện tử qua ứng dụng trên thiết bị di động.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 47/2014/TT-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định về quản lý website thương mại điện tử (Thông tư số 47/2014/TT-BCT)

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Nguyên tắc thông báo, đăng ký website thương mại điện tử

Thương nhân, tổ chức sở hữu website thương mại điện tử có cả chức năng bán hàng và cung cấp dịch vụ thương mại điện tử chỉ thực hiện thủ tục đăng ký với Bộ Công Thương theo quy định tại Chương II Thông tư này.”

2. Sửa đổi, bổ sung tên của Chương II như sau:

“Chương II. Thủ tục thông báo, đăng ký website thương mại điện tử và đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

“Điều 20. Phương thức báo cáo của thương nhân, tổ chức đã đăng ký website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử

Thương nhân, tổ chức thiết lập website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử báo cáo Bộ Công Thương số liệu thống kê về tình hình hoạt động của năm trước đó bằng phương thức trực tuyến thông qua Cổng thông tin Quản lý hoạt động thương mại điện tử hoặc dưới hình thức văn bản qua đường bưu điện.

4. Bổ sung Điều 20a dưới Điều 20 tại Chương II như sau:

“Điều 20a. Hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử

1. Quy chế hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử phải công bố công khai trên trang chủ của website và bao gồm các nội dung sau:

- a) Quyền và nghĩa vụ của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ;
- b) Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng dịch vụ;
- c) Mô tả phương thức và quy trình thực hiện hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử;
- d) Giới hạn trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử;
- đ) Các quy định về an toàn thông tin, quản lý thông tin trong hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử;
- e) Cơ chế giải quyết khiếu nại, tranh chấp giữa các bên liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử;

g) Biện pháp xử lý vi phạm đối với những người không tuân thủ quy chế hoạt động.

2. Khi có thay đổi về một trong các nội dung nêu tại khoản 1 Điều này, thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử phải thông báo cho tất cả các đối tượng sử dụng dịch vụ ít nhất 05 ngày trước khi áp dụng những thay đổi đó.”

5. Bổ sung Điều 28a sau Điều 28 như sau:

“Điều 28a. Công bố danh sách doanh nghiệp dẫn đầu thị trường trong lĩnh vực dịch vụ thương mại điện tử

1. Trước ngày 15 tháng 3 hàng năm, Bộ Công Thương công bố nhóm 05 doanh nghiệp dẫn đầu thị trường của năm trước đó.

2. Thông tin công bố bao gồm:

- a) Tên thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ thương mại điện tử;
- b) Tên website, ứng dụng cung cấp dịch vụ thương mại điện tử.”

6. Bổ sung Điều 29a sau Điều 29 như sau:

“Điều 29a. Công bố danh sách các thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử đã thực hiện thủ tục đăng ký

1. Danh sách thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử đã hoàn thành thủ tục đăng ký và nhận được xác nhận của Bộ Công Thương được công bố công khai trên Cổng thông tin Quản lý hoạt động thương mại điện tử.

2. Thông tin công bố bao gồm:

- a) Tên thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử;
- b) Số đăng ký kinh doanh hoặc số quyết định thành lập của thương nhân, tổ chức;

c) Địa chỉ trụ sở, số điện thoại và địa chỉ thư điện tử của thương nhân, tổ chức;

3. Khi bị chấm dứt hoặc hủy bỏ đăng ký, thông tin về thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử sẽ bị rút khỏi danh sách này và chuyển sang chế độ đã chấm dứt đăng ký hoặc chuyển vào danh sách các thương nhân, tổ chức vi phạm quy định của pháp luật.”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 59/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định về quản lý hoạt động thương mại điện tử qua ứng dụng trên thiết bị di động (Thông tư số 59/2015/TT-BCT)

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2 như sau:

“2. Thương nhân, tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này là thương nhân, tổ chức, cá nhân Việt Nam; cá nhân nước ngoài cư trú tại Việt Nam; thương nhân, tổ chức nước ngoài có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 như sau:

“1. Thông báo với Bộ Công Thương theo quy định tại Mục 1 Chương II Thông tư này nếu ứng dụng có chức năng đặt hàng trực tuyến.”

Điều 3. Bãi bỏ, thay thế một số khoản, điều của Thông tư số 47/2014/TT-BCT và Thông tư số 59/2015/TT-BCT

1. Bãi bỏ, thay thế một số khoản, điều, phụ lục tại Thông tư số 47/2014/TT-BCT như sau:

a) Bãi bỏ khoản 2 Điều 1, Điều 3, 4, 6 và Điều 13.

b) Thay thế Phụ lục Đơn đăng ký website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử (Mẫu TMĐT-1) thành Phụ lục Đơn đăng ký website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử (Mẫu TMĐT-1) ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Bãi bỏ khoản 2 Điều 1, khoản 8 Điều 3, Điều 10 và Điều 13 tại Thông tư số 59/2015/TT-BCT.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 03 năm 2022.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có phát sinh vướng mắc, thương nhân hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Bộ Công Thương để được xem xét, xử lý./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ Công Thương;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Website: Chính phủ; Bộ Công Thương;
- Công báo;
- Lưu: VT, TMĐT.



BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Diên

PHỤ LỤC
Biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư

MẪU TMĐT-1

**TÊN THƯƠNG NHÂN,
TỔ CHỨC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ WEBSITE/ỨNG DỤNG CUNG CẤP DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Kính gửi: Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số – Bộ Công Thương

1. Tên thương nhân, tổ chức sở hữu website/ứng dụng cung cấp dịch vụ thương mại điện tử:

-Tên đăng ký:.....

-Tên giao dịch:.....

STT	Nội dung thông tin	1a. Thông tin người đại diện theo pháp luật của thương nhân/tổ chức	1b. Thông tin người chịu trách nhiệm đối với website/ứng dụng cung cấp dịch vụ thương mại điện tử ¹
1	Họ và tên người liên hệ
2	Chức danh
3	Địa chỉ liên hệ
4	Số điện thoại di động
5	Địa chỉ email
6	Các phương thức liên hệ trực tuyến (viber, zalo,...)

¹ Bao gồm đầu mỗi tiếp nhận yêu cầu thông tin trực tuyến đối với thương nhân, tổ chức Việt Nam thiết lập sàn giao dịch thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến; hoặc Văn phòng đại diện/đại diện theo ủy quyền tại Việt Nam đối với thương nhân, tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ thương mại điện tử tại Việt Nam.

2. Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:

Fax:

Email:

3. Số, ngày cấp, nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp (đối với thương nhân) hoặc Giấy phép kinh doanh (đối với nhà đầu tư nước ngoài) hoặc Quyết định thành lập (đối với tổ chức):

Loại Giấy chứng nhận/Quyết định thành lập:

Số:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

4. Tên miền Internet của website hoặc tên ứng dụng cung cấp dịch vụ thương mại điện tử:

5. Loại hình dịch vụ cung cấp trên website/ứng dụng:

Dịch vụ sản giao dịch thương mại điện tử

Dịch vụ khuyến mại trực tuyến

Dịch vụ đấu giá trực tuyến

Dịch vụ khác (đề nghị nêu rõ:))

6. Các loại hàng hóa hoặc dịch vụ chủ yếu được giao dịch trên website/ứng dụng:

Hàng điện tử, gia dụng

Sách, văn phòng phẩm

Máy tính, điện thoại, thiết bị văn phòng

Hoa, quà tặng, đồ chơi

Ô tô, xe máy, xe đạp

Thực phẩm, đồ uống

Thời trang, mỹ phẩm, chăm sóc sức khỏe

Dịch vụ lưu trú và du lịch

Công nghiệp, xây dựng

Dịch vụ việc làm

Thiết bị nội thất, ngoại thất

Dịch vụ khác

Bất động sản

Hàng hóa khác

7. Đơn vị cung cấp dịch vụ Hosting:

Nơi nhận:

- Như trên;

- Cơ quan chủ quản (nếu có);

- Lưu:

CHỮ KÝ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên, đóng dấu)